

HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM



HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN NGHỊ THỨC HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM
(có điều chỉnh và bổ sung)

NHIỆM KỲ VII (2014 - 2019)

HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN NGHỊ THỨC HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM
(có điều chỉnh và bổ sung)

Nghị thức Hội là hệ thống những quy định về nghị thức, thủ tục, đội hình, đội ngũ được áp dụng chính thức cho sinh hoạt và hoạt động của tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên (LHTN) Việt Nam.

Thực hiện Nghị thức Hội nhằm góp phần rèn luyện, giáo dục hội viên - thanh niên biết tôn trọng, yêu mến tổ chức Hội và cùng xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh. Đồng thời tạo sự thống nhất chung, đáp ứng nhu cầu hoạt động thanh niên và những quy định cần thiết để nâng cao tính tập thể, có nề nếp tạo sức mạnh đối với tổ chức Hội cùng đoàn kết thống nhất hành động.

Thực hiện Nghị thức Hội là trách nhiệm chung của mọi hội viên và các tổ chức thành viên tập thể của Hội LHTN Việt Nam.

Chương I
MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ LỄ HỘI

Điều 1. NGÀY TRUYỀN THỐNG CỦA HỘI LHTN VIỆT NAM:

- Ngày truyền thống của Hội là ngày **15/10** hàng năm.
- Hội nghị Ủy ban TW Hội LHTN Việt Nam họp tại Hà Nội vào cuối tháng **02/1993** đã thống nhất quyết định chọn ngày **15/10/1956** làm ngày truyền thống của Hội LHTN Việt Nam. Cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, trong những năm qua, Hội đã lập nhiều thành tích vẻ vang vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp đổi mới của đất nước. Truyền thống Hội được thể hiện và khẳng định trong công tác đoàn kết tập hợp thanh niên Việt Nam:
 - + Yêu nước, đi theo Đảng, theo Đoàn Thanh niên, vì tương lai và hạnh phúc tuổi trẻ Việt Nam.
 - + Đoàn kết, chung sức chung lòng hành động vì nghĩa lớn, vì Tổ quốc kêu gọi.
 - + Lao động, học tập và rèn luyện để hoàn thiện bản thân và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.
 - + Học tập, giao lưu quốc tế.

Điều 2. BÀI HÁT CHÍNH THỨC CỦA HỘI:

Hội chọn lời một của bài hát “*Lên đàn*”. Nhạc: Lưu Hữu Phước; Lời: Huỳnh Văn Tiểng và Lưu Hữu Phước làm Hội ca. Bài Hội ca được áp dụng (hát) trong các nghi lễ và sinh hoạt của Hội.

Lên đàn

Nhạc : LƯU HỮU PHƯỚC

Lời : HUỖNH VĂN TIỂNG

LƯU HỮU PHƯỚC

Nhịp đi

Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên
(Nhìn) non sông ta trời mây bao la muôn
(Kìa) gương trung kiên truyền lựu muôn năm lên

đàn kiếm nguồn tươi sáng. Ta nguyện đồng lòng điểm
đời tâm hồn phơi phới. Mau nhìn hoàn cầu khá
đàn, kết đoàn hùng tráng. Danh lừng Bạch Đằng, tiếng

tô non sông, từ nay ra sức anh tài. Đoàn
trông năm châu, cùng nhau tung chí anh hào. Đoàn
vang Chi Lăng, đồng tâm noi dấu anh hùng. Ngảy

ta chen vai nề chi chông gai lên đàn, ta người Việt
ta đi mau lòng trai không nao lên đàn, ta người Việt
xưa ai đem tải cho quê hương bao lần, khuôn phò nhà

Nam. Nhìn tương lai huy hoàng, đoàn ta bước lên đàn cùng hiên
Nam. Nhìn non sông tung bừng, đoàn ta hát vang lừng nào tung
Nam. Đoàn ta ghi trong lòng, thế hi sinh đến cùng nhìn non

ngang hát vang. Nhìn ...
bay chí trai. Kìa ...
sông thẳng ... xông.

Điều 3. BIỂU TRƯNG CỦA HỘI:

1. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam chọn biểu trưng (theo mẫu bên dưới) của tác giả Lê Đan làm biểu trưng chính thức của tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.



2. Ý nghĩa từng phần:

- Hình tròn: Thể hiện ước mơ tiến đến sự hoàn thiện, đoàn kết, thân ái.
- Màu xanh: Thể hiện sự thanh bình.
- Đường ngang: Thể hiện chân trời mới.
- Đường hình chữ S: Tượng trưng đất nước Việt Nam (bản đồ) kết hợp ghép nền màu xanh bên trái thể hiện cho sự hòa bình.
- Ngôi sao: Thể hiện định hướng chính trị, lý tưởng của Tổ quốc.

3. Ý nghĩa chung:

Biểu trưng của Hội với đường nét đơn giản, hiện đại, màu sắc hài hòa thể hiện sự đoàn kết, thân ái; động viên lớp trẻ hướng đến tương lai: Vì Tổ quốc Việt Nam XHCN giàu mạnh và văn minh, vì cuộc sống hạnh phúc, hòa bình của thanh niên Việt Nam.

4. Màu sắc:

- Đường vòng tròn, đường ngang, chữ S, ngôi sao và chữ *Thanh niên Việt Nam*: Màu xanh đậm (mã: Cyan 100 – Magenta 70 – Black 20).
- Phần nền khu vực ngôi sao, nền trong ngôi sao: Màu xanh hòa bình (mã: Cyan 50 – Yellow 10).
- Phần nền bên phải chữ S và nền chữ *Thanh niên Việt Nam*: Màu trắng.

5. Cách sử dụng:

Biểu trưng Hội được sử dụng làm phù hiệu, huy hiệu; in (thêu) trên vải (cờ) thể hội viên và các loại thẻ, công văn có liên quan.

* **Chú ý:** Không được vẽ, cách điệu hoặc thêm bớt vào biểu trưng những nội dung, đường nét khác làm mất giá trị và ảnh hưởng đến tính nghiêm túc đối với biểu trưng của Hội. Mặt khác, khi in (vẽ) cần chính xác hình chữ S, ngôi sao (đúng theo mẫu) và thể hiện đúng màu sắc (mã màu) quy định.

Điều 4. LỜI HỨA:

Lời hứa Hội viên được áp dụng trong các nghi thức chính của Hội. Người đọc lời đứng tư thế nghiêm, hướng mắt về phía cờ Tổ quốc, biểu trưng Hội... đồng dạt đọc to:

- ***“Vinh dự là người hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, trước tập thể chi hội (CLB, đội, nhóm...) tôi (chúng tôi) xin hứa:***

+ ***Là công dân tốt của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.***

+ ***Thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ Hội, giữ gìn uy tín và thanh danh của Hội”.***

- ***“Xin hứa!”*** (đồng thời giơ thẳng năm tay phải từ ngực trái lên cao qua khỏi đầu – 01 lần).

Tất cả hội viên có mặt cùng hô to:

- ***“Xin hứa!”*** (đồng thời giơ thẳng năm tay phải từ ngực trái lên cao qua khỏi đầu – 01 lần).

Điều 5. KHẨU HIỆU :

Được áp dụng trong nghi lễ chào cờ hoặc nghi lễ chính thức của Hội.

- Người hô trong tư thế đứng nghiêm, hướng mắt về cờ Tổ quốc, biểu trưng Hội... đồng dạt hô to:

“Vĩ Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh và văn minh” – Thanh niên !

- Tất cả hội viên cùng đáp : ***“Tiến !”***

(đồng thời giơ thẳng năm tay phải từ ngực trái lên cao qua khỏi đầu – 01 lần)

* **Chú ý:** Trong nghi lễ của Hội người hô khẩu hiệu để hội viên tham dự đáp phải là người có trọng trách hoặc chức vụ Hội cao nhất trong buổi lễ.

Điều 6. CÁCH CHÀO CỦA HỘI:

Hội quy định chào tay nhằm thể hiện sức mạnh, sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm đối với tổ chức Hội (chỉ thực hiện động tác chào bằng tay khi mặc đồng phục Hội hoặc có đeo huy hiệu Hội).

Động tác chào được áp dụng ở 02 trường hợp sau:

- Chào trong nghi lễ: Chào cờ, báo cáo, tuyên thệ.
- Chào trong sinh hoạt: Khi gặp nhau, xã giao, giao tiếp.

Điều 7. NGHI THỨC CHÀO CỜ TRONG HỘI

Chào cờ là nghi lễ quan trọng, thể hiện tính trang nghiêm, hùng dũng của tổ chức Hội. Chào cờ có tác dụng giáo dục hội viên - thanh niên biết tôn trọng, yêu mến Tổ quốc, yêu mến tổ chức Hội; nguyện đi theo lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại, xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, văn minh.

1. Thứ tự các bước chào cờ:

- Sau khi ổn định, người điều khiển hô to: “*Nghiêm ! Chào cờ ! Chào*”.
- Dừng một chút, người điều khiển hô tiếp: “*Quốc Ca*”.
- (Tất cả hội viên bỏ nhẹ tay xuống, trong tư thế nghiêm và cùng hát Quốc ca).
- Sau khi hội viên hát Quốc ca xong, người điều khiển hô tiếp: “*Hội ca*”
- (Tất cả cùng hát bài Lên Đảng - lời 01).
- Sau khi hát xong Hội ca là phần hô và đáp Khẩu hiệu của Hội, lúc này người lãnh đạo cao nhất của đơn vị thực hiện nghi lễ chào cờ đồng loạt hô to Khẩu hiệu: “*Vì Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh và văn minh - Thanh niên !*”
- Tất cả hội viên đáp: “*Tiến !*”
- Sau phần đáp khẩu hiệu, người điều khiển chương trình hô: “*Thôi*”.

*** Ghi chú:**

- Có thể người điều khiển chương trình không cần hô các khẩu lệnh: “Quốc ca”, “Hội ca” nếu buổi lễ đó có chuẩn bị sẵn âm thanh và nền nhạc bài Quốc ca, Hội ca. Và trình tự lễ chào cờ như sau:
 - + Sau khi ổn định, người điều khiển hô to: “*Nghiêm ! Chào cờ ! Chào*”.
 - + Nhạc nền bài Quốc ca vang lên, hội viên bỏ tay nhẹ xuống, về tư thế nghiêm và cùng hát.
 - + Sau khi kết thúc bài Quốc ca, nhạc nền bài Hội ca vang lên và hội viên cùng hát bài Hội ca.
 - + Sau khi hát xong Hội, nghi thức chào cờ tiếp tục như trên.
- Phút sinh hoạt truyền thống hay phút mặc niệm có hay không tùy tính chất của buổi lễ nhưng thực hiện sau khi đã thực hiện việc hô, đáp khẩu hiệu.
- Chào cờ được tổ chức trong hội trường hoặc ngoài trời, cần chú ý việc rước cờ Tổ quốc đến vị trí sân lễ: Cờ cầm tay có cán, cờ kéo lên cột cờ, cờ đã treo sẵn.

2. Các trường hợp chào cờ:

a. Nghi lễ chào cờ trong hội trường, sân khấu ngoài trời:

- Nếu đã có sẵn cờ nước, cờ mang biểu trưng Hội: Thực hiện nghi lễ chào cờ như hướng dẫn ở trên (không thực hiện nghi lễ rước cờ).
- Nếu không có sẵn cờ nước, cờ mang biểu trưng Hội: Thực hiện nghi lễ rước cờ trước rồi thực hiện nghi lễ chào cờ như hướng dẫn ở trên.

b. Nghi lễ chào cờ trong đội hình chữ U:

- Trước khi tiến hành nghi lễ chào cờ cần có sự phân công các thành viên trong chi hội tham gia thực hiện các nội dung trong đội hình cờ.
- Chi hội trưởng sau khi triển khai đội hình xong, di chuyển ra giữa đội hình so cự ly, sau đó bước xuống 2/3 đội hình, quay đằng sau hướng mặt cùng hướng với các hội viên ở vị trí ngang trong đội hình chữ U và điều khiển phần nghi lễ chào cờ như hướng dẫn ở trên cùng với nghi lễ rước cờ hướng dẫn ở mục sau.

c. Nghi lễ chào cờ trong đội hình hàng dọc, hàng ngang hoặc nhiều đơn vị, chi hội:

- Trước khi tiến hành nghi lễ chào cờ cần có sự phân công các thành viên trong chi hội tham gia thực hiện các nội dung trong đội hình cờ (nếu có).
- Chi hội trưởng sau khi triển khai đội hình xong, di chuyển ra giữa đội hình, sau đó quay đằng sau hướng mặt cùng hướng với các hội viên trong đội hình và điều khiển phần nghi lễ chào cờ như hướng dẫn ở trên cùng với nghi lễ rước cờ hướng dẫn ở mục sau.

3. Các tư thế giữ cờ, vác cờ:

a. Tư thế nghiêm: Người trong tư thế nghiêm, tay phải nắm cán cờ, khoảng ngang thắt lưng, lòng bàn tay áp sát vào thắt lưng. Đốt cờ chạm đất, khoảng giữa má ngoài bàn chân, thân cờ thẳng, khép sát bên phải thân người. Tay trái, chân, người trong tư thế nghiêm.

b. Tư thế nghỉ: Chân trái khụy, tay phải (tay cầm cờ) đưa ra trước, hơi chếch về phải khoảng 45 độ.

c. Tư thế vác cờ: Cờ đặt trên vai phải, phần cờ tính từ đỉnh cờ đến hết cờ nằm sau lưng người vác cờ, lá cờ được buông ngược xuống đất. Phần cán cờ còn lại, tính từ đốt cờ lên đến mí cờ nằm phía trước, trên vai phải. Tay phải gần thẳng, nắm sát đốt cờ, tay trái tạo thành góc vuông trước mặt, tầm ngang vai, nắm cán cờ, phần mu bàn tay (của cả 2 tay) hướng lên trên. Thân cờ (phần trước mặt người cầm cờ) hơi hướng xuống đất (so với vai khoảng 15 đến 30 độ). Không để đuôi cờ chạm đất.

d. Tư thế chào cờ: Tay phải nắm đốt cờ, áp sát lòng nắm tay vào thắt lưng, vai phải thẳng. Tay trái tạo thành góc vuông trước mặt, nắm thân cờ, tầm ngang vai, nắm bàn tay ngửa. Tư thế nghiêm. Đỉnh cờ hướng về trước, thân cờ so với thân mình tạo nên một góc khoảng 45 độ, hướng lên, đuôi cờ không được để chạm đất.

e. Chuyển từ tư thế nghiêm lên tư thế chào cờ :

- Cờ trong tư thế nghiêm, dùng tay phải đưa thẳng cờ ra trước mặt (thế cờ đứng), tay phải ngang vai.
- Tay trái đưa tới trước nắm cán cờ, phía trên tay phải.
- Tay phải buông cán cờ, chuyển xuống nắm lấy đốt cờ, đồng thời tay phải kéo đốt cờ áp sát vào thắt lưng, tay trái tạo thành góc vuông trước mặt, ngang vai (theo tư thế cờ chào).

f. Chuyển từ tư thế chào cờ sang tư thế vác cờ:

- Tay phải đẩy đốt cờ ra trước bụng theo hướng đốt cờ qua trái (đi ngang qua bụng) và đẩy dần tay phải lên tầm ngang vai, tay phải thẳng, đỉnh cờ qua phải.
- Đồng thời, tay trái thẳng, đưa thân cờ ngược qua phải, đặt thân cờ lên vai, trở về tư thế góc vuông trước mặt (theo tư thế vác cờ).

g. Chuyển từ vác cờ sang tư thế chào cờ: ngược lại với tư thế từ chào cờ sang vác cờ.

h. Chuyển từ tư thế vác cờ về tư thế nghiêm: nếu đang từ vác cờ phải chuyển qua tư thế chào cờ, rồi về tư thế nghiêm.

i. Chuyển từ tư thế chào cờ về tư thế nghiêm:

- Tay phải đẩy đốt cờ ra trước. Cả 2 tay đồng thời đưa thẳng ra trước, tạo thân cờ đứng trước mặt.
- Tay phải đưa lên trên nắm cán cờ phía trên tay trái.
- Tay trái buông ra về tư thế nghiêm, tay phải rút cờ về tư thế nghiêm.

4 . Các hình thức rước cờ:

a. Rước cờ (cờ khiêng): Số lượng người khiêng cờ là 4 hoặc 6 hội viên tùy kích thước cờ, số lượng hội viên và tính chất buổi lễ.

- Người điều khiển hô: *Nghiêm, rước cờ*.
- Đội cờ đi đều, song song nhau ra giữa đội hình. Đến vị trí chào cờ, người đi đầu (gần đội hình chào cờ - người 1) đứng tại chỗ, vừa dậm chân, vừa xoay chậm, đều (hoặc quay trái hoặc phải) hướng mặt về đội hình chào cờ; người đi đầu (phía xa đội hình chào cờ - người 2) bước đều, dài theo đường cong và ngang hàng với người (1); những người còn lại bước sang phải (hoặc trái) giữ thẳng hàng và cùng hướng mặt với người đi đầu, giữ cờ thẳng. Trường hợp đội cờ khi mang cờ ra đội hình, cờ trong tư thế gấp (phần gấp giữa cờ thả hướng xuống đất – không chạm đất) cũng phải căng thẳng cờ trước khi người điều khiển hô chào cờ, có thể căng thẳng cờ lúc bước vòng hoặc sau khi bước vòng.
- Người điều khiển hô: *“Chào cờ, chào”*. Những thành viên hàng phía trước thực hiện động tác ngồi trên gót hoặc đứng nghiêm (tùy vào độ lớn của cờ, địa hình nơi đội cờ đứng), tuy nhiên cờ phải được đề trên vai của những người phía trước. Những thành viên phía sau bước lên 1 bước và thực hiện động tác đưa thẳng tay qua khỏi đầu.
- Sau đó, trình tự buổi lễ tiếp theo theo đúng hướng dẫn.
- Kết thúc buổi lễ, người điều khiển hô: *Thôi*, đội cờ di chuyển vào trong theo đúng động tác cá nhân trong nghi thức.

*** Lưu ý :**

- Đội hình cờ (người khiêng cờ và hậu cờ) di chuyển trong tư thế nghiêm, không đánh tay.
- Người hậu cờ (nếu có) khi di chuyển ra đội hình có thể đi trước người khiêng cờ (trước cờ) nhưng khi chào cờ không được đứng trước cờ, có thể đứng hai bên cờ hoặc sau cờ, mặt hướng vào cờ. Khi chào cờ phải thực hiện theo hướng dẫn của nghi thức chào cờ.
- Người khiêng cờ luôn trong tư thế nghiêm, không phải thực hiện theo hướng dẫn của nghi thức chào cờ.
- Khi chào cờ xong, đội hình cờ thực hiện ngược lại với lúc khiêng cờ ra. Có thể vòng bên phải hoặc bên trái để di chuyển cờ ra khỏi khu vực chào cờ.

b. Rước cờ (có cán cờ):

- Người điều khiển hô: *Nghiêm, rước cờ.*
- Người cầm cờ di chuyển cờ ra vị trí chào cờ. Khi ra đến vị trí, người cầm cờ quay phải (trái) đối diện với đội hình chào cờ.
- Người điều khiển, điều khiển buổi lễ chào cờ theo đúng hướng dẫn thực hiện nghi thức chào cờ.
- Kết thúc buổi lễ chào cờ, người điều khiển hô: *Thôi*, người cầm cờ chuyển về tư thế vác cờ quay bên phải (trái) và di chuyển ra khỏi đội hình chào cờ.

*** Lưu ý:**

- Khi rước cờ ra trước và đối diện đội hình chào cờ, cờ có thể ở tư thế vác cờ hoặc chào cờ. Nhưng khi kết thúc khẩu lệnh “Chào cờ, chào” của người điều khiển thì cờ phải trong tư thế chào cờ.
- Trường hợp chỉ có 01 lá cờ (cờ Tổ quốc hoặc cờ có biểu trưng Hội): thực hiện như hướng dẫn trên.
- Trường hợp có cờ Tổ quốc và cờ mang biểu trưng Hội: Cờ Tổ quốc luôn đi trước, cờ mang biểu trưng Hội đi sau.
- Khi vào đến giữa đội hình 2 cờ cùng thực hiện động tác quay bên Phải (trái), người cầm cờ Tổ quốc bước lên phía trên 1 bước.
- Cờ Tổ quốc luôn bên trái, cờ mang biểu trưng Hội luôn bên phải theo hướng từ người đứng đối diện cờ.
- Khi người điều khiển hô “*Thôi*” đồng thời chuyển 2 cờ về tư thế vác cờ và cùng quay phải (trái), sau đó người cầm cờ Tổ quốc bước sang phải (trái) 1 bước ngang với người cầm cờ có biểu trưng Hội và cùng di chuyển ra khỏi đội hình chào cờ (người cầm cờ Tổ quốc đi trước, người cầm cờ có mang biểu trưng Hội đi sau).

Điều 8. ĐỒNG PHỤC:

1. Áo:

Áo đồng phục của Hội là áo Thanh niên Việt Nam. Áo màu xanh cô-ban đậm, cổ đúc to bản, đệm cổ cứng, không gãy nát khi giặt; có đĩa vai (bật vai), có 2 túi ngực (gồm cả 2 loại cộc tay và dài tay). Áo được may ở các kích cỡ khác nhau theo hệ số chuẩn quốc tế. Lôgô áo hình tam giác được đặt ở phía trước. Lôgô phía trước được đặt trang trọng trên ngực áo phía trái, phù hiệu cờ đỏ, sao vàng và hàng chữ “Thanh niên Việt Nam”.

2. Huy hiệu Hội:

Được cài trên túi áo bên trái. Hội viên đeo huy hiệu Hội trong sinh hoạt, công tác và các nghi lễ của Hội LHTN Việt Nam.

3. Các bảng tên, chuyên hiệu, cấp hiệu:

Bảng tên, chuyên hiệu, cấp hiệu được làm riêng và đeo trên túi áo bên phải, hoặc được may thẳng vào áo, phía trên nắp túi áo.

4. Mũ (nón):

Lưỡi trai (kết) hoặc mũ tai bèo có in (cài) biểu trưng của Hội LHTN Việt Nam. Đồng phục của Hội mặc trong sinh hoạt, dự họp (hội nghị) của Hội và các nghi lễ của Hội.

5. Đồng phục của Hội đồng Huấn luyện: Có đồng phục riêng do Hội đồng Huấn luyện Trung ương Hội thống nhất và quy định.

Chương II CÁC ĐỘNG TÁC CÁ NHÂN

Điều 9. CHÀO:

1. Chào trong nghi lễ (chào cờ, báo cáo, diễu hành) :

Tư thế đứng nghiêm, mắt nhìn vào đối tượng chào. Cánh tay phải giơ lên, năm ngón tay khép lại, thẳng, hướng mũi bàn tay hướng về thái dương, cách thái dương khoảng 1 – 2cm, lòng bàn tay hơi chếch ra phía trước, khuỷu tay gấp tự nhiên (tạo một góc 45 độ), cánh tay hơi chếch ra phía trước (15 độ) và thấp hơn ngang vai một chút.

* Ý nghĩa:

- Năm ngón tay vung lên, tay giơ cao, tầm ngang vai: Thể hiện sức trẻ, ý chí vươn lên, trung thành với Tổ quốc, tôn trọng lễ phải công bằng.
- Lòng bàn tay hướng về phía trước, năm ngón tay thẳng về thái dương và đưa lên: Luôn tâm niệm phải sống đẹp, có lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ mọi người.
- Năm ngón tay khép lại: Thể hiện sự đoàn kết, thống nhất trong tổ chức.
- Mắt nhìn thẳng, tư thế khỏe mạnh: Thể hiện sự trung thực, hướng về tương lai và sức mạnh của tổ chức.

* Lưu ý:

- Khi thực hiện việc diễu hành qua lễ đài, chỉ huy hô khẩu lệnh “Chào” khi người đi đầu của đội hình vào ngang vị trí lễ đài.
- Khi có khẩu lệnh của chỉ huy, tất hội viên trong đội hình đều thực hiện động tác chào tay (tay phải), mặt hơi quay qua trái nhìn về đối tượng chào, tay trái về tư thế nghiêm (nắm hờ, khép sát đùi trái). Vậy khi bố trí đội hình tham gia diễu hành cần bố trí các đội hình xuất phát từ bên phải lễ đài (theo hướng từ trên lễ đài nhìn xuống).
- Khi đội hình ra hết khỏi lễ đài, chỉ huy hô “Thôi”, khi đó tất cả đội hình bỏ tay xuống và tiếp tục thực hiện động tác đi đều.

2. Chào trong sinh hoạt (khi gặp nhau) :

Bàn tay như trên, cánh tay vung nhẹ, lòng bàn tay hướng về trước, mũi tay hướng lên trên, khuỷu tay tự nhiên (tạo góc 90 độ) tư thế thoải mái, vui tươi.

* Ý nghĩa: Chào trong sinh hoạt thể hiện sự chúc mừng, thăm hỏi và giao lưu với nhau.

Điều 10. TƯ THẾ ĐỨNG:

1. Nghiêm:

- Người đứng thẳng
- Mắt hướng thẳng.
- Hai tay thẳng nắm hờ, khép sát đùi.
- Chân thẳng, hai gót chân chạm vào nhau, hai mũi bàn chân tạo thành chữ V.

2. Nghỉ :

- Chân trái hơi chùng xuống.
- Tay duỗi, các ngón tay khép hờ thoải mái.

Điều 11. TƯ THẾ NGỒI:

1. Ngồi trên gót :

- Khẩu lệnh: “Ngồi trên gót - Ngồi xuống”

↓
Dự lệnh

↓
Động lệnh

- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Chân trái bước lên trước một bước, hạ người ngồi xuống trên gót chân phải. Khuỷu tay trái gấp tự nhiên (tạo thành góc vuông) và cánh tay đặt trên gối chân trái. Bàn tay phải nắm hờ, cách tay phải thả thoải mái theo đùi chân phải. Khi đứng lên, bật người đứng lên, rút chân trái về tư thế nghiêm.

2. Ngồi trên đất :

- Khẩu lệnh: “Ngồi trên đất - Ngồi xuống” “!”

↓
Dự lệnh

↓
Động lệnh

- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Chân trái bước chéo qua trước chân phải, hạ người xuống đất, đồng thời hai bàn tay chống đất (10 đầu ngón tay tiếp xúc mặt đất, làm điểm đỡ). Khi ngồi xuống xong, tay trái nắm cổ tay phải, bàn tay phải nắm hờ, hai khuỷu tay tỳ trên hai đầu gối. Khi đứng lên dùng hai bàn tay chống xuống đất đứng lên (tương tự khi ngồi xuống). Sau đó rút chân trái về tư thế nghiêm.

3. Đứng lên: Kết thúc động tác ngồi bằng khẩu lệnh: “*Đứng lên*” (động lệnh, không có dự lệnh). Sau khẩu lệnh, cả chi hội đứng lên, đều và đẹp.

Điều 12. TƯ THẾ QUAY:

1. Quay trái :

- Khẩu lệnh: “Bên trái - Quay”

↓
Dự lệnh

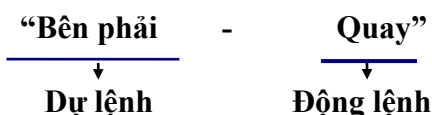
↓
Động lệnh

- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Lấy gót chân trái làm trụ, mũi chân phải làm điểm đỡ, quay người sang trái một góc 90 độ. Rút chân phải lên, trở về tư thế nghiêm.

2. Quay phải:

- Khẩu lệnh:

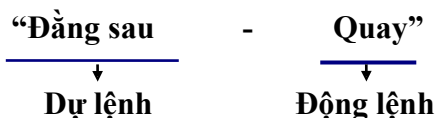


- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Lấy gót chân phải làm trụ, mũi chân trái làm điểm đỡ, quay người sang phải một góc 90 độ. Rút chân trái lên, trở về tư thế nghiêm.

3. Quay đằng sau:

- Khẩu lệnh:



- Thực hiện: Sau động lệnh.

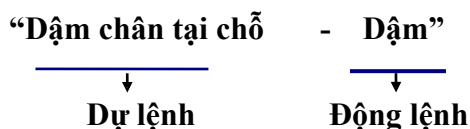
- Cách thực hiện: Chân phải đưa về phía sau chân trái, mũi chân phải cách gót chân trái khoảng một nắm tay. Dùng hai gót chân làm trụ quay về bên phải một góc 180 độ. Rút chân phải về tư thế nghiêm.

* **Lưu ý:** Trong các động tác quay hai tay lúc nào cũng trong tư thế nghiêm.

Điều 13. DẠM CHÂN TẠI CHỖ - ĐI ĐỀU:

1. Dậm chân tại chỗ:

- Khẩu lệnh:



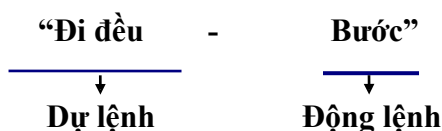
- Thực hiện: Sau Động lệnh.

- Cách thực hiện: Sau động lệnh “*Dậm*” chân trái nhấc lên, tay phải đánh qua trái trên thắt lưng khoảng 20 cm, tay trái đánh thoải mái ra phía sau và hơi chếch ra sau (15 độ so với tư thế thẳng). Sau đó chân trái dậm xuống, chân phải nhấc lên (khoảng 20 cm), tay đánh ngược về bên phải (nhịp 1), tiếp tục chân phải dậm xuống, chân trái nhấc lên, tay đánh qua trái như lúc đầu (nhịp 02). Và cứ thế liên tục, đều.

- Nhịp đếm 1 - 2, 1 - 2, 1 - 2, ...

2. Đi đều :

- Khẩu lệnh:



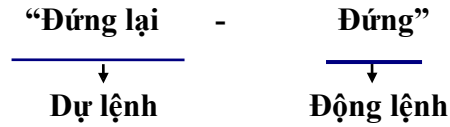
- Thực hiện: Sau Động lệnh.

- Cách thực hiện: Chân đi đều theo nhịp đếm 1 - 2 , 1 - 2 (hoặc nhịp còi) tay đánh như dậm chân tại chỗ (bước chân trái trước, chân phải sau theo nhịp đếm).

3. Đứng lại :

- Đang “*Dậm chân tại chỗ*” hoặc “*Đi đều*” muốn dừng lại thì dùng :

- Khẩu lệnh:



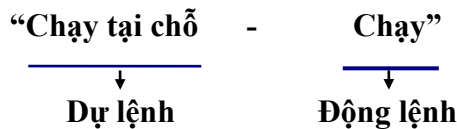
- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Động lệnh “*Đứng*” phải rơi vào chân phải (nhịp 2). Khi nghe động lệnh, người thực hiện dậm (trường hợp đang dậm chân tại chỗ) hoặc bước tiếp một bước (trường hợp đang đi đều) bằng chân trái (nhịp 1), sau đó dậm (trường hợp đang dậm chân tại chỗ) hoặc bước chân phải lên ngang chân trái (trường hợp đang đi đều) mới đứng hẳn lại (vậy chân cuối cùng thực hiện động tác là chân phải (nhịp 2). Trường hợp đang đi đều thì khoảng cách từ lúc có động lệnh “*Đứng*” đến lúc đội hình dừng hẳn là 1 bước chân). Người trở về tư thế nghiêm.

Điều 14. CHẠY TẠI CHỖ - CHẠY ĐỀU

1. Chạy tại chỗ:

- Khẩu lệnh:

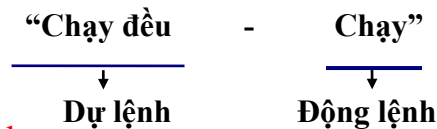


- Thực hiện: Sau Động lệnh.

- Cách thực hiện: Hai tay nắm hồ đặt trên thắt lưng, phía trước bụng. Lòng bàn tay úp vào trong, 2 nắm tay cách nhau khoảng 20 cm. Chân chạy tại chỗ theo nhịp 1 – 2 – 3 – 4 ... 1 – 2 – 3 – 4 ... (chạy nâng cao đùi vừa phải, lòng bàn chân cách đất khoảng 20 – 30 cm, khi chạy không đánh tay).

2. Chạy đều :

- Khẩu lệnh:



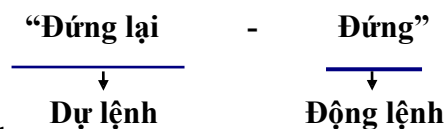
- Thực hiện: Sau **Động lệnh**.

- Cách thực hiện: Như chạy tại chỗ, và cả đội hình cùng chạy đều theo nhịp 1 – 2 – 3 – 4... 1 – 2 – 3 – 4 ... (chạy nâng cao đùi vừa phải, lòng bàn chân cách đất khoảng 20 – 30 cm, khi chạy không đánh tay).

3. Đứng lại:

- Đang “*Chạy tại chỗ*” hoặc “*Chạy đều*” muốn dừng lại thì dùng :

- Khẩu lệnh:



- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Động lệnh “Đứng” phải rơi vào chân phải (nhịp 4), khi nghe động lệnh “*Đứng*”: Nếu chạy tại chỗ thì chạy tại chỗ tiếp 4 nhịp (kết thúc nhịp 4 là đứng hẳn) ; nếu chạy đều thì chạy thêm 3 bước (tương ứng với nhịp 1- 2- 3), kết thúc nhịp 4 là đứng hẳn lại (vậy chân cuối cùng thực hiện động tác là chân phải - nhịp 4). Trong trường hợp chạy đều thì khoảng cách từ lúc có động lệnh “*Đứng*” đến lúc đội hình dừng hẳn là 3 bước chân). Người trở về tư thế nghiêm.

* *Luru ý:*

- Nhịp 1 (hoặc nhịp 1, 3 trong chạy đều) luôn là chân trái.
- Nhịp 2 (hoặc nhịp 2, 4 trong chạy đều) luôn là chân phải.
- Động lệnh luôn rơi vào chân phải.
- Bước rộng bằng vai (30 đến 40 cm).
- Chi hội đi đều (chạy đều): Toàn chi hội phải bước (chạy) cùng một nhịp, cùng đưa chân (nâng chân) và cùng vung tay (hoặc áp tay vào thắt lưng trong chạy đều) đều đặn. Hàng ngang, hàng dọc phải thẳng, đều.
- Chi hội vòng bên trái: Chi hội đang đi đều (chạy đều), sau khẩu lệnh: "Vòng bên trái - bước!" hoặc "Vòng bên trái - chạy!", những hội viên hàng bên trái (gần bên cần vòng) bước đến điểm quay (được xác định bằng vị trí phân đội trưởng khi dứt động lệnh) thì bước (chạy) ngắn hơn, đồng thời quay sang trái. Những đội viên ở hàng bên phải khi đến điểm quay thì bước dài hơn, đồng thời quay bên trái. Sau đó đi (chạy) tiếp và giữ đúng cự ly.
- Chi hội vòng phải: Sau khẩu lệnh: "Vòng bên phải - bước!" hoặc "Vòng bên phải - chạy!" tiến hành ngược lại.
- Chi hội vòng đằng sau: Sau khẩu lệnh: "Bên trái (bên phải) vòng đằng sau - bước!" (chạy!), chi hội tiến hành như vòng trái (vòng phải) nhưng di chuyển đội hình quay ngược lại hướng đi ban đầu.

Điều 15. TIẾN - LÙI, SANG TRÁI - SANG PHẢI

1. Tiến – lùi:

- Khẩu lệnh:

“Tiến (lùi) n bước - Bước”

Dư lệnh Động lệnh

- Thực hiện: Sau Động lệnh.
- Cách thực hiện: Tiến (lùi) luôn bắt đầu bằng chân trái, bước rộng bằng vai, thoải mái, không chập chân từng bước (trừ trường hợp tiến, lùi chỉ có 1 bước). Đến bước cuối cùng của số bước theo yêu cầu, rút chân bên dưới lên (với tiến) hay trên xuống (với lùi), chập chân lại. Tư thế nghiêm.

2. Sang trái - phải :

- Khẩu lệnh:

“Sang trái (phải) n bước - Bước”

Dự lệnh **Động lệnh**

- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Sang bên nào bước chân bên đó trước, bước rộng bằng vai, mỗi bước mỗi chập chân, không bước chéo chân. Thực hiện xong số bước theo yêu cầu của khẩu lệnh, rút chân còn lại về tư thế nghiêm.

*** Lưu ý:**

- “n” là số bước do chỉ huy yêu cầu.
- Số lượng bước phải lùi hoặc phải di chuyển sang phải (trái) không quá 5 bước, nếu quá 5 bước thì phải quay đằng sau hoặc quay sang phải (trái) thực hiện động tác “tiến” hoặc đi đều, sau đó quay lại.

Chương III

ĐỘI HÌNH - ĐỘI NGŨ

Điều 16. VỊ CHỈ CHỈ HUY - KHẨU LỆNH

1. Vị trí chỉ huy

- Khi chỉ định đội hình tập hợp, vị trí của người chỉ huy khi chỉ định đội hình là chuẩn cao nhất của đội hình đó. Chỉ huy khi chỉ định đội hình có thể sử dụng bằng khẩu lệnh hoặc bằng tín hiệu (cờ, còi,...).
- Đội hình luôn triển khai bên trái người chỉ huy, riêng đội hình vòng tròn thì chỉ huy là tâm của vòng tròn.
- Vị trí của người chỉ huy khi chỉnh đốn các đội hình: Sau khi đội hình ổn định, từ vị trí chỉ định đội hình, người chỉ huy tiến về phía trước và giữa đội hình (đối với đội hình hàng dọc, hàng ngang, chữ U) để chỉnh đốn hoặc điều khiển. Riêng đội hình vòng tròn, người chỉ huy đứng tại vị trí chỉ định đội hình để chỉnh đốn hoặc điều khiển. Khi điều khiển hoặc chỉnh đốn đội hình, người chỉ huy cần đứng ở vị trí sao cho có thể bao quát hết đội hình.

2. Khẩu lệnh:

- Khẩu lệnh phải hô to, rõ, dứt khoát, sau dự lệnh có thể dừng lại thời gian ngắn trước khi hô động lệnh nhằm giúp người thực hiện xác định chính xác công việc phải thực hiện.
- Khi nghe dự lệnh mọi hội viên phải đứng nghiêm, chỉ thực hiện khi dứt động lệnh của chỉ huy.
- Trường hợp đã hô dự lệnh nhưng muốn hủy bỏ lệnh đó thì hô tiếp “khẩu lệnh bỏ”.
- Khi cần thiết người chỉ huy có thể hô khẩu lệnh hay tín hiệu “chú ý” hoặc hô rõ tên người hoặc phiên hiệu, phân hội cần chú ý.

3. Vị trí làm chuẩn trong đội hình:

- Chuẩn luôn là người đầu tiên trong phân hội (chi hội) đầu tiên đứng đối diện bên tay trái của chỉ huy (người ở vị trí đầu hàng bên phải đội hình).
- Tuy nhiên, để thuận khi cần điều chỉnh đội hình theo yêu cầu công việc, theo địa hình... người chỉ huy có thể chỉ định hội viên, hoặc đơn vị làm chuẩn để mọi người hoặc đơn vị trong hàng ngũ làm theo. Khi được chỉ định, hội viên làm

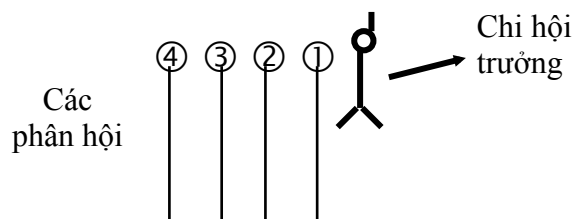
chuẩn phải đáp “có” đồng thời tay phải giơ thẳng lên. Nếu đơn vị làm chuẩn thì người chỉ huy đơn vị đó cũng làm động tác như trên.

Điều 17. ĐỘI HÌNH.

Hội quy định có 04 đội hình tập hợp dành cho chi hội gồm: Hàng dọc, hàng ngang, chữ U, vòng tròn. Mỗi chi hội tạm quy ước có 04 phân hội.

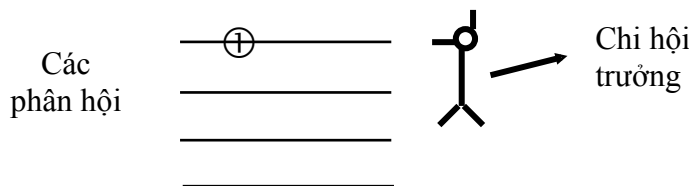
1. Hàng dọc:

- Khẩu lệnh: “*Chi hội - Tập hợp*”.
- Tư thế chỉ huy: Tay phải giơ thẳng hướng lên trên, 5 ngón tay khép lại, lòng bàn tay thẳng hướng về bên trái.
- Đội hình: Được triển khai về bên trái và ngang với người chỉ huy. Khoảng cách giữa đội hình và người chỉ huy là 1 mét.



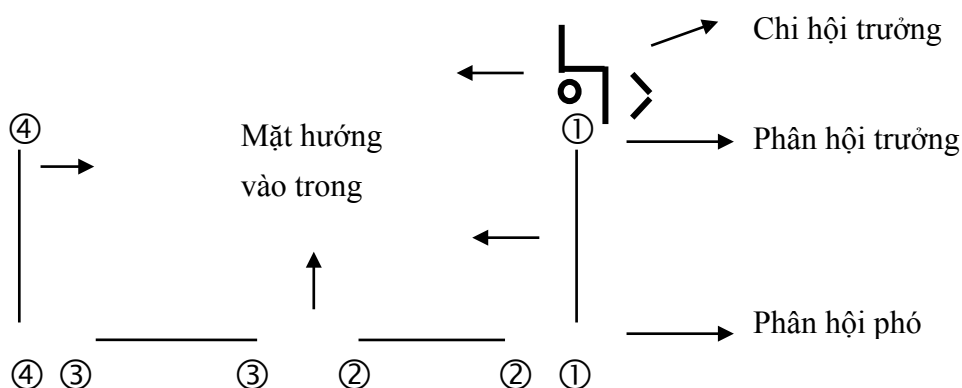
2. Hàng ngang

- Khẩu lệnh: “*Chi hội - Tập hợp*”.
- Tư thế chỉ huy: Tay phải thực hiện như tập hợp đội hình hàng dọc; tay trái thẳng đưa ngang vai mũi bàn tay hướng về bên trái, lòng bàn tay thẳng, năm ngón tay khép, lòng bàn tay úp xuống.
- Đội hình: Được triển khai về bên trái và ngang với người chỉ huy, bắt đầu từ mũi bàn tay trái của người chỉ huy.



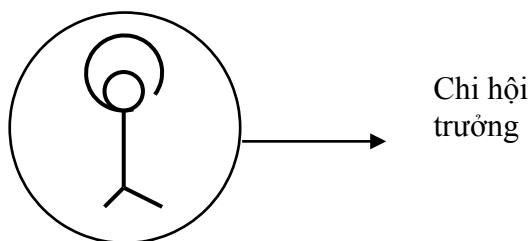
3. Chữ U:

- Khẩu lệnh: “*Chi hội - Tập hợp*”.
- Tư thế chỉ huy: Tay phải ngang vai, khuỷu tay tạo thành góc vuông 90 độ, lòng bàn tay nắm lại, hướng lên trên, lòng trong bàn tay hướng về bên trái.
- Đội hình: Được triển khai bên trái và phía trước chỉ huy. Phân hội 1 đứng ngang, bên trái chỉ huy, hướng mặt cùng hướng với chỉ huy. Phân hội 2, 3 làm đáy của chữ U, đứng vuông góc với người cuối cùng phân hội 1, mặt hướng vào trong. Phân hội 4 đứng vuông góc với người cuối cùng phân hội 3, đối diện với phân hội 1, mặt hướng vào trong (theo hình vẽ). Người cuối cùng phân hội 1, hội viên phân hội 2, 3 và người đầu tiên phân hội 4 là một đường thẳng. Khoảng cách giữa phân hội trưởng phân hội 1 và người chỉ huy là 01 mét.



4. Vòng tròn

- Khẩu lệnh: “ Chi hội - Tập hợp”.
- Tư thế chỉ huy: Hai tay giơ cao tạo thành vòng tròn trên đầu người chỉ huy, lòng bàn tay nắm và úp xuống, khoảng cách giữa 2 nắm tay khoảng 10 đến 20cm.
- Đội hình: Triển khai thành vòng tròn, lấy chỉ huy làm tâm (không cần tập trung theo phân hội hoặc chi hội).



* **Chú ý:**

- Khẩu lệnh chung để tập hợp các đội hình là ‘Chi hội - Tập hợp’. Việc phải tập hợp theo đội hình nào là theo tư thế chỉ định của chỉ huy.
- Đối với việc tập hợp đội hình nhiều chi hội, nhiều đơn vị, mỗi đơn vị có thể có nhiều hoặc ít hơn 04 phân hội (thường xảy ra đối với các hoạt động trại, mít tinh,...) tùy điều kiện sân bãi, yêu cầu công việc,... người điều khiển sẽ có những khẩu lệnh riêng để tập hợp hoặc sẽ được quy ước, thống nhất trước.

Ví dụ :

- Muốn mỗi tiểu trại thành 03 hàng, tập hợp toàn trại, khẩu lệnh của chỉ huy là: “Các tiểu trại thành ba hàng dọc (ngang), toàn trại hàng dọc (ngang) – tập hợp”.
- Nếu muốn chi hội tập hợp thành 6 phân hội, khẩu lệnh của chỉ huy: “Chi hội thành sáu phân hội – tập hợp”.
- Trường hợp đã thống nhất trước mỗi chi hội có bao nhiêu phân hội hoặc toàn trại có bao nhiêu tiểu trại, mỗi tiểu trại có bao nhiêu hàng... thì khẩu lệnh của chỉ huy là: “Chi hội (hoặc toàn trại...) tập hợp”.
- Trường hợp muốn có 3 vòng tròn lồng vào nhau, khẩu lệnh chỉ huy là : “Chi hội (toàn trại...) thành ba vòng tròn - tập hợp”. Hoặc muốn đội hình vòng


tròn lấy vị trí cột cờ làm tâm, khẩu lệnh chỉ huy là: ‘Lấy cột cờ làm tâm, toàn trại - tập hợp’ ; ‘Lấy cột cờ làm tâm, toàn trại thành ba vòng tròn – tập hợp’.

- Trường hợp, có nhiều hơn 4 chi hội (phân hội, tiểu trại, trại,...) cần tập hợp đội hình chữ U thì chi hội (phân hội, tiểu trại, trại,...) từ 1 đến 4 như hướng dẫn đội hình chữ U ở trên, các chi hội (phân hội, tiểu trại, trại,...) còn lại làm thành lớp thứ hai của chữ U (phân hội 5 đứng sau phân hội 1 ; 6 đứng sau 2 ; 7 đứng sau 3 và 8 đứng sau 4 ;...).

Điều 18. CÁC CỤ LY:

1. Cụ ly hẹp: Bằng một khuỷu tay (tay chống hông).

- Khẩu lệnh :

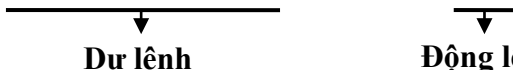
“Cụ ly hẹp nhìn chuẩn - Thẳng”


- Thực hiện: Sau Động lệnh.

- Cách thực hiện: Chuẩn luôn là phân hội 1 của chi hội (phân hội 1 của chi hội 1 trong các chi hội). Sau động lệnh, phân hội trưởng phân hội 1 tay phải giơ cao qua đầu, bàn tay thẳng, 5 ngón tay khép lại, lòng bàn tay hướng về bên trái, cánh tay áp sát lỗ tai phải, tay trái chống hông, ngón tay cái phía sau hông, 4 ngón còn lại phía trước hông và khép lại. Người thứ hai bên trái (A) di chuyển sao cho tay phải trong tư thế nghiêm chạm khuỷu tay của phân hội trưởng phân hội 1, tay trái thực hiện như hướng dẫn thực hiện cụ ly hẹp. Người thứ ba (B) thực hiện tương tự (A) di chuyển chạm khuỷu tay (A) và cứ thế liên tục đến người cuối cùng. Những người đứng sau lưng phân hội trưởng phân hội 1 đưa tay phải chạm vai người đứng trước, ngón tay khép, lòng bàn tay thẳng, bàn tay đứng. Các hội viên còn lại nhìn thẳng, nhìn phải so hàng.

2. Cụ ly hẹp đặc biệt: Bằng hai nắm tay nắm ngang của hai người đứng gần nhau.

- Khẩu lệnh:

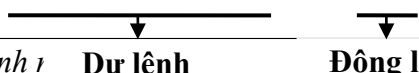
“Cụ ly hẹp đặc biệt nhìn chuẩn - thẳng”


- Thực hiện: Sau Động lệnh.

- Cách thực hiện : Tương tự cụ ly hẹp, nhưng tay trái phân hội trưởng phân hội 1 thẳng, khép sát đùi, bàn tay nắm lại, lòng bàn tay hướng ra sau. Tay phải người (A) cũng vậy, chạm tay trái phân hội trưởng phân hội 1, tay trái người (A) chạm tay phải người (B) và cứ thế liên tục. Những người đứng sau lưng phân hội trưởng phân hội 1 đưa tay phải chạm vai người đứng trước, ngón tay khép, lòng bàn tay thẳng, bàn tay đứng. Các hội viên còn lại nhìn thẳng, nhìn phải so hàng.

3. Cụ ly rộng: Bằng một cánh tay.

- Khẩu lệnh :

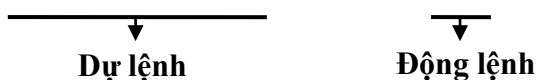
“Cụ ly rộng nhìn chuẩn - thẳng”


- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Tương tự cự ly hẹp, nhưng bằng một cánh tay, tay trái phân hội trưởng phân hội 1 dang thẳng ngang vai, bàn tay duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống. Người (A) ; (B) đứng ngang với phân hội trưởng phân hội 1, tay phải trong tư thế nghiêm, vai phải chạm mũi bàn tay trái người bên phải, tay trái giờ ngang tương tự phân hội trưởng phân hội 1. Những người đứng sau lưng phân hội trưởng phân hội 1 đưa tay phải chạm vai người đứng trước, ngón tay khép, lòng bàn tay thẳng, bàn tay đứng. Các hội viên còn lại nhìn thẳng, nhìn phải so hàng.

4. Cự ly rộng đặc biệt: Bằng hai cánh tay.

- Khẩu lệnh: “Cự ly rộng đặc biệt nhìn chuẩn - thẳng”



- Thực hiện: Sau động lệnh.

- Cách thực hiện: Phân hội trưởng phân hội 1 thực hiện tương tự cự ly rộng, người (A) ; (B) đứng ngang phân hội trưởng phân hội 1, hai tay giang ngang, cánh tay thẳng, lòng bàn tay thẳng, 5 ngón tay khép lại, lòng bàn tay úp, mũi bàn tay người này chạm vào mũi bàn tay người kia. Những người đứng sau lưng phân hội trưởng phân hội 1 đưa tay phải chạm vai người đứng trước, ngón tay khép, lòng bàn tay thẳng, bàn tay đứng. Các hội viên còn lại nhìn thẳng, nhìn phải so hàng

* Lưu ý :

- (A) , (B): Là phân hội trưởng phân hội 2 và 3 nếu là hàng dọc.

- (A) , (B): Là hội viên của phân hội 1 nếu là hàng ngang.

- Hẹp đặc biệt: Là hai nắm tay của các phân hội trưởng nếu là hàng dọc; là hai nắm tay của các hội viên trong phân hội 1 nếu là hàng ngang và tất cả hội viên nếu là chữ U.

- Rộng đặc biệt: Là hai cánh tay của các phân hội trưởng nếu là hàng dọc; là hai cánh tay của các hội viên trong phân hội 1 nếu là hàng ngang.

- Tay đưa tới trước mặt, lòng bàn tay đứng (vuông góc với mặt đất); tay đưa sang ngang lòng bàn tay úp (song song với mặt đất).

- Chữ U chỉ có 2 cự ly so hàng là : Hẹp và hẹp đặc biệt. Khoảng cách giữa các phân hội trong đội hình chữ U luôn là một cánh tay. Khẩu lệnh so cự ly như đội hình hàng dọc và hàng ngang.

- Vòng tròn có 2 cự ly so hàng là : Cự ly rộng và rộng đặc biệt. Khẩu lệnh so hàng là “Cự ly rộng (rộng đặc biệt) - chỉnh đốn đội hình”. Với chỉ huy là tâm của vòng tròn.

+ Cự ly rộng: 2 tay thành hình chữ V ngược, đưa ra trước mặt, ngang vai, lòng bàn tay nắm và úp xuống, nắm tay người này chạm nắm tay người kia tạo thành vòng tròn.

+ Cự ly rộng đặc biệt: 02 cánh tay thẳng, dang ngang vai (hơi cong vào trong), lòng bàn tay nắm và úp xuống, nắm tay người này chạm nắm tay người kia tạo thành vòng tròn.

- Những người thực hiện động tác tay để so cự ly theo khẩu lệnh của chỉ huy là:

+ Hàng dọc: phân hội trưởng các phân hội thực hiện cự ly theo yêu cầu của Chỉ huy; phân hội trưởng phân hội 1 (phân hội 1 của chi hội 1) ngoài tay trái thực hiện cự ly theo yêu cầu, tay phải luông giờ cao làm chuẩn (5 ngón tay khép, mũi bàn tay hướng lên trên, lòng bàn tay hướng qua trái, cánh tay khép sát tai); Phân hội trưởng phân hội cuối cùng đứng nghiêm nếu cự ly so hàng là cự ly hẹp và cự ly rộng hoặc chỉ tay phải thực hiện việc so cự ly theo khẩu lệnh nếu cự ly so hàng là cự ly hẹp đặc biệt và rộng đặc biệt (tay trái luôn trong tư thế nghiêm); Hội viên phân hội 1 (của chi hội 1) chỉ việc đưa tay phải thẳng, lòng bàn tay đứng, 5 ngón tay khép lại, mũi bàn tay chạm vai người phía trước. Hội viên còn lại trong tư thế nghiêm nhìn thẳng và nhìn về phải để so hàng.

+ Hàng ngang: Hội viên phân hội 1 thực hiện cự ly theo yêu cầu của chỉ huy; Phân hội trưởng phân hội 1 (của chi hội 1) thực hiện như hàng dọc; Người cuối cùng của phân hội 1 thực hiện như phân hội trưởng phân hội cuối cùng trong đội hình hàng dọc; Các phân hội trưởng phân hội còn lại thực hiện như hội viên phân hội 1 trong đội hình hàng dọc. Các hội viên còn lại thực hiện như đội hình hàng dọc.

+ Chữ U: Phân hội trưởng phân hội 1 thực hiện tương tự ở hàng dọc và hàng ngang; hội viên các phân hội đều thực hiện động tác tay để so cự ly theo yêu cầu của chỉ huy; người cuối cùng của phân hội 1 đưa tay thẳng tới trước, ngang vai, lòng bàn tay đứng, 5 ngón tay khép; Phân hội trưởng phân hội 2 vào vị trí sao cho vai phải của mình chạm vào mũi bàn tay của người cuối cùng phân hội 1, tay phải trong tư thế nghiêm, tay trái so hàng như hội viên khác; người cuối cùng phân hội 2, tay đưa ngang, thẳng, ngang vai, 5 ngón tay khép, lòng bàn tay úp; Phân hội trưởng phân hội 3 vào vị trí sao cho vai mình chạm mũi bàn tay người cuối cùng của phân hội 2 (như phân hội trưởng phân hội 2); người cuối cùng của phân hội 3 thực hiện tương tự người cuối cùng phân hội 2; Phân hội trưởng phân hội 4 vào vị trí đối diện người cuối cùng phân hội 1, sao cho vai phải chạm mũi bàn tay trái của người cuối cùng phân hội 3, tay phải trong tư thế nghiêm, tay trái thực hiện việc so cự ly như hội viên khác; Hội viên phân hội 4 đứng ngang với phân hội trưởng của mình (đối diện với hội viên phân hội 1) và cùng thực hiện việc so cự ly (người cuối cùng của phân hội 4 chỉ thực hiện việc so cự ly nếu là cự ly hẹp đặc biệt, còn lại thì luôn trong tư thế nghiêm). Đáy chữ U là toàn bộ hội viên phân hội 2 và 3 (người cuối cùng phân hội 1, toàn bộ hội viên phân hội 2 và 3, phân hội trưởng phân hội 4 là một đường thẳng); phân hội 1 và 4 đối diện nhau tạo thành hình chữ U. Khoảng cách giữa các phân hội trong đội hình chữ U luôn là một cánh tay.

- Trường hợp so cự ly toàn trại có nhiều chi hội, mỗi chi có nhiều phân hội thì vị trí của phân hội trưởng phân hội 1 của chi hội 1 là ngang với chi hội trưởng chi hội 1. Chi hội trưởng chi hội 2 đứng ngang với phân hội trưởng phân hội cuối cùng của chi hội 1 (là mối nối giữa chi hội 1 và chi hội 2), tương tự đối với chi hội 3, chi hội 4,... Khoảng cách từ chi hội trưởng chi hội 1 đến phân hội

trưởng phân hội 1 (chi hội 1) là 01 cánh tay dang ngang (cự ly rộng). Khoảng cách các chi hội trưởng còn lại với phân hội bên phải và bên trái là 02 cánh tay dang ngang (cự ly rộng đặc biệt). Các phân hội trưởng phân hội 1 của các chi hội trong trường hợp này ngoài tay trái phải thực hiện cự ly theo yêu cầu, thì tay phải vẫn là tay chuẩn cho chi hội của mình (cánh tay giơ cao, ngón tay khép, lòng bàn tay thẳng, hướng về trái).

Điều 19. ĐIỂM SỐ - BÁO CÁO:

1. Điểm số: Có 2 cách điểm số.

1.1. Cách điểm số thứ nhất: Điểm số từng phân hội trong chi hội hoặc điểm số từng chi hội trong các chi hội:

- Khẩu lệnh chỉ huy: “*Các phân hội (chi hội) điểm số – Báo cáo – nghỉ*”

- Thực hiện: Sau khẩu lệnh của chỉ huy.

- Cách thực hiện: Các phân hội (chi hội) trưởng điều hành phân hội (chi hội) của mình điểm số – báo cáo, cụ thể:

+ Người phân hội (chi hội) trưởng bước lên trước và quay đằng sau, hướng về đội hình của phân hội mình hô lớn: “*Phân hội (chi hội) 1 (2, 3, 4) – Nghiêm – Điểm số – 1*” (1 là số đếm của người phân hội trưởng trong chi hội hoặc chi hội trưởng trong các chi hội).

+ Sau đó các hội viên trong phân hội (chi hội) lần lượt đếm từ 2 cho đến hết. Người hội viên khi điểm số đánh đầu ra sau hướng bên tay trái, sau đó đánh đầu ngược lên và hô lớn số đếm của mình. Người hội viên cuối cùng thực hiện như những hội viên trước đó nhưng hô thêm “*Phân hội (chi hội) 1 (2,3,4) hết*” sau khi hô số đếm của mình.

+ Phân hội (chi hội) trưởng cho phân hội (chi hội) của mình bằng khẩu lệnh: “*Phân hội (chi hội) 1 (2,3,4) - Nghỉ*” khi phân hội (chi hội) mình điểm số xong, trở về vị trí ban đầu.

1.2. Cách điểm số thứ hai: Điểm số cả chi hội

- Khẩu lệnh chỉ huy: “*Nghiêm – Chi hội điểm số – 1*” (1 là số điểm của chi hội trưởng).

- Sau đó, cả chi hội đếm từ 2 đến hết, lần lượt như sau:

- Phân hội trưởng phân hội 1 đếm “2”, người hội viên đứng tiếp sau đó đếm “3” và cứ thế cho đến người hội viên cuối cùng. Người hội viên cuối cùng sau khi đếm số của mình, và thêm câu “*Phân hội 1 – Hết*”.

+ Phân hội trưởng phân hội 2 đếm tiếp số người hội viên cuối cùng của phân hội 1 và các hội viên trong phân hội 2 lần lượt đếm cho đến hết như phân hội 1. Người hội viên cuối cùng sau khi đếm số của mình, và thêm câu “*Phân hội 2 – Hết*”.

+ Các phân hội còn lại đếm tương tự như phân hội 2 cho đến người cuối cùng của phân hội cuối cùng, người cuối cùng của phân hội cuối cùng sau khi đếm số của mình, “*Chi hội 1 (2,3,4) Hết*”.

(Tất cả đều thực hiện động tác đánh đầu như cách điểm số thứ nhất, trừ người chỉ huy đứng đối diện đội hình khi điểm số).

2. Báo cáo:

- Sau khi điểm số xong, lần lượt phân hội (chi hội) 1 đến phân hội cuối cùng lên báo cáo cho chỉ huy. Phân hội (chi hội) trưởng cho phân hội (chi hội) của mình “*Nghiêm*” trước khi lên báo cáo.

- Khẩu lệnh báo cáo: “*Báo cáo – báo cáo (1), (2) có (3) hội viên. Đủ (vắng (4)) – báo cáo hết*”.

- Nếu không có nội dung cần truyền đạt, chỉ huy sau khi nghe báo cáo chỉ hô “*Được*”, người báo cáo chỉ chào và trở về vị trí.

- Nếu có nội dung truyền đạt, người chỉ huy không hô “*Được*” mà truyền đạt nội dung cần truyền đạt cho người báo cáo. Sau khi nghe xong, người báo cáo vừa chào người chỉ huy vừa hô “*Rõ*” và trở về vị trí phân hội của mình.

**Ghi chú:*

(1): Cấp chỉ huy trực tiếp, người phụ trách.

(2): Đơn vị, cấp báo cáo.

(3): Tổng số hội viên hiện có mặt.

(4): Số hội viên vắng mặt (báo cáo có lý do hoặc không có lý do). Vậy (3) + (4) = tổng số hội viên của đơn vị.

- Khi báo cáo, người báo cáo phải đứng trong tư thế nghiêm, chào người chỉ huy trước (cùng lúc với đọc từ ‘báo cáo’ đầu tiên trong khẩu lệnh báo cáo) và chỉ bỏ tay xuống sau khi người chỉ huy đã chào lại và bỏ tay xuống trước.

- Khi lên báo cáo, người báo cáo có thể đi đều, chạy đều lên và đứng đối diện với chỉ huy để thực hiện nội dung báo cáo; khi báo cáo xong trở về, người báo cáo không được quay trước mặt chỉ huy.

Chương IV

MỘT SỐ HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ TỔ CHỨC LỄ

Điều 20. LỄ CÔNG NHẬN CHI HỘI, ĐỘI, NHÓM MỚI:

1. Yêu cầu và công tác chuẩn bị:

- Hình thức tổ chức phải trang trọng, gọn nhẹ. Địa điểm có thể trong hội trường, ngoài trời nhưng đảm bảo nghiêm túc trong buổi lễ.

- Thời điểm tổ chức gắn liền với ngày lễ, các đợt hoạt động, các sự kiện quan trọng của địa phương, đơn vị...

- Trang trí: Cờ Tổ quốc, ảnh Bác, biểu trưng Hội, tiêu đề: “LỄ CÔNG NHẬN ĐỘI (NHÓM), CHI HỘI ...”.

* *Ví dụ:*

**LỄ CÔNG NHẬN
ĐỘI CÔNG TÁC XÃ HỘI SEN HỒNG**

- Đơn xin được công nhận đội nhóm mới (có nội dung giới thiệu tóm tắt quá trình hoạt động), danh sách lý lịch trích ngang hội viên tham gia, qui chế hoạt động, phương hướng hoạt động, thẻ hội viên, huy hiệu Hội.

2. Chương trình tổng quát:

a. Phần nghi thức :

- Chào cờ, hát Quốc ca, Hội ca, mặc niệm (nếu có), hô khẩu hiệu của Hội.
- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.

b. Phần nội dung:

- Đại diện (Ban điều hành lâm thời) đội nhóm (chi hội, CLB) được công nhận đọc đơn xin được công nhận.
- Đại diện UB Hội hoặc BCH Đoàn cơ sở giới thiệu quá trình hoạt động, đọc quyết định công nhận: Đội nhóm (chi hội, CLB) và BCH đội nhóm (chi hội, CLB).
- Trao quyết định, gắn huy hiệu, trao thẻ hội viên mới.
- Đại diện BCH chi hội (CLB, tổ, đội, nhóm) mới nhận nhiệm vụ.
- Phát biểu lãnh đạo (nếu có).
- Tiếp thu và tuyên bố kết thúc, chào cờ bế mạc.

Điều 21. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC LỄ CÔNG NHẬN HỘI VIÊN MỚI:

1. Yêu cầu và công tác chuẩn bị :

- Tổ chức lễ kết nạp phải gọn nhẹ, vui tươi. Thời điểm tổ chức có thể gắn liền với các ngày lễ, các đợt hoạt động, sinh nhật,...
- Địa điểm có thể tổ chức trong hội trường, ngoài trời hoặc tại các điểm sinh hoạt dã ngoại, các điểm thực hiện công trình.
- Trang trí: Cờ Tổ quốc, ảnh Bác, biểu trưng Hội, tiêu đề buổi lễ “công nhận hội viên mới” (trang trí bằng băng rôn, pano hoặc khung bảng).
- Đơn xin gia nhập từng hội viên, danh sách lý lịch trích ngang hội viên mới, nội dung tóm tắt giới thiệu từng hội viên mới, khẩu hiệu, lời hứa, thẻ hội viên, huy hiệu hội,...

2. Chương trình tổng quát :

a. Phần nghi thức :

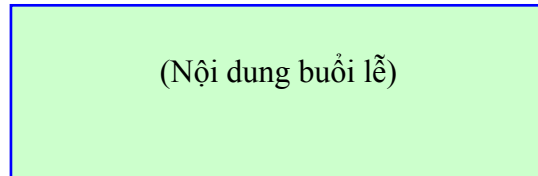
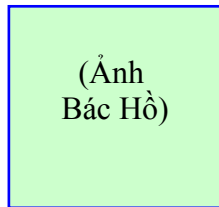
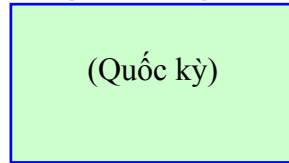
- Chào cờ, hát Quốc ca, Hội ca, mặc niệm (nếu có), hô khẩu hiệu của Hội.
- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự.

b. Phần nội dung :

- Thay mặt BTC chi hội (CLB, tổ, đội, nhóm) giới thiệu tóm tắt thanh niên được đề nghị công nhận.
- Chi hội trưởng, đội nhóm trưởng, Ban Chủ nhiệm CLB đọc quyết định công nhận, gắn huy hiệu hội và trao thẻ hội viên (phần gắn huy hiệu, trao thẻ có thể mời đại biểu).
- Hội viên mới đọc lời hứa hội viên (một hoặc nhiều hội viên cùng một lúc).
- Đại diện Ban điều hành chi hội (CLB, tổ, đội, nhóm) chúc mừng và giao nhiệm vụ hội viên mới.
- Hội viên mới phát biểu cảm tưởng.
- Phát biểu của lãnh đạo (nếu có).
- Tiếp thu và tuyên bố kết thúc, chào cờ bế mạc.

* **Lưu ý:** Trong chương trình tổ chức lễ nên xen vào các tiết mục văn nghệ, trò chơi để tạo sự nhẹ nhàng, vui tươi.

3. Phong lễ trang trí :



HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM